

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lý Thị Mỹ Diệu
- Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Châu tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Đoàn Thị L, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ C, Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (**vắng mặt**).

Bị đơn: anh Tạ Duy A, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ C, Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (**vắng mặt**).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đoàn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Tạ Duy A chung sống với nhau từ năm 2009, đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng mâu thuẫn

từ tháng 5 năm 2021, nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm, không hòa hợp, anh Tạ Duy A đã có người phụ nữ khác. Chị nhiều lần cho anh Duy A cơ hội để sửa đổi, vợ chồng hàn gắn nhưng anh không thay đổi nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Tạ Thành D, sinh ngày 25/01/2010 và Tạ Xuân N, sinh ngày 10/11/2012. Con có nguyện vọng sống cùng mẹ nên chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh Duy A cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Tạ Duy A không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày:

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều từ 26 đến 40, Điều 68, Điều 93 đến 97, Điều 195, Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị L với Tạ Duy A.

Về con chung: giao cháu Tạ Thành D, sinh ngày 25/01/2010 và cháu Tạ Xuân N, sinh ngày 10/11/2012 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh Duy A cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị L chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Đoàn Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Tạ Duy A đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không đến Tòa án, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: chị Đoàn Thị L và anh Tạ Duy A tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh vào năm 2010 nên căn cứ Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[2.2] Xác định mâu thuẫn: chị L trình bày vợ chồng có mâu thuẫn về tình cảm, vợ chồng không còn tin tưởng, không có sự hòa hợp dẫn đến bất đồng quan điểm không thể hàn gắn. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nếu có phản đối yêu cầu của người khác đối với mình thì phải thể hiện bằng văn bản và cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Tuy nhiên, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử anh Duy A không đến Tòa án, không thể hiện ý kiến về việc chị L yêu cầu ly hôn, xem như anh Duy A không muốn níu kéo mối quan hệ hôn nhân này. Như vậy, xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[2.3] Về con chung: con chung có nguyện vọng sống với mẹ nên xét thấy cần giao con chung là Tạ Thành D, sinh ngày 25/01/2010 và Tạ Xuân N, sinh ngày 10/11/2012 cho chị L trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh Duy A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.4] Về tài sản chung: không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Chị L xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án:

Chị Đoàn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006450 ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Tạ Duy A không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Đoàn Thị L đối với anh Tạ Duy A.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị L và anh Tạ Duy A.

Về con chung: giao con chung là Tạ Thành D, sinh ngày 25/01/2010 và Tạ Xuân N, sinh ngày 10/11/2012 cho chị L trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh Duy A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án không giải quyết. Anh chị xác định vợ chồng không nợ chung nên không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Đoàn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006450 ngày 10 tháng

7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Tạ Duy A không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã **Thanh Đông**;
- VKSND h Tân Châu;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.